TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30/7/2018
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà - Thẩm phán: Ông Mạc Minh Quang.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa, bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà - thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/4/2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thu H, sinh ngày 14/3/1977

Nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã B, huyện K, Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Đài Loan

- Bị đơn: Anh Ngô Văn Q (tên gọi khác Ngô Xuân Q), sinh ngày 24/6/1970

Nơi cư trú: Thôn K, xã B, huyện K, Hải Dương.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phan Văn A- Luật sư của Văn phòng luật sư P và cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang; địa chỉ: đường N, phường T, thành phố B, Bắc Giang.

(Các đương sự đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Thu H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 29/12/1994. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có hai con chung nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Đến năm 2004 vì kinh tế gia đình khó khăn nên chị xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trong thời gian lao động tại Đài Loan chị vẫn thường xuyên gửi tiền về cho anh Q để xây nhà và nuôi con. Tuy nhiên, do mỗi người ở một nơi nên tình cảm ngày một nhạt dần. Người thân trong gia đình cũng đã can thiệp, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được.

Nay, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

- Về con chung: Chị và anh Q có hai con chung là cháu Ngô Văn T, sinh ngày 05/10/1995 và Ngô Thị Thanh N, sinh ngày 22/12/2002. Hiện hai con đang ở cùng với anh Q. Quan điểm của chị là để anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết tuy nhiên sau đó chị có quan điểm cháu T trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, còn cháu N nếu anh Q có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị cấp dưỡng, chị nhất trí.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có.

** Về phía bị đơn anh Ngô Văn Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn của vợ chồng như chị H đã trình bày ở trên. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng với bố mẹ đẻ anh ở thôn K, xã B, huyện K, Hải Dương và sinh được hai con. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Đến năm 2004, chị H đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan và cho đến nay chị đã đi được 14 năm, cứ 3 năm hết hạn hợp đồng chị H lại về Việt Nam và chung sống cùng anh, sau đó chị lại ký gia hạn hợp đồng mới và đến tháng 9/2018 thì chị H sẽ hết hạn hợp đồng trở về nước. Trong thời gian chị H lao động tại Đài Loan vợ chồng vẫn thỉnh thoảng liên lạc bằng điện thoại và không có mâu thuẫn. Việc chị H gửi đơn ly hôn đến Tòa án chị không thông báo gì với anh. Sau khi làm việc tại Tòa án, anh đã liên lạc gọi điện cho chị H thuyết phục để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên chị H không đồng ý. Vì vậy, anh xét thấy chị H đã thay đổi tình cảm, không còn yêu thương anh nên anh nhất trí ly hôn với chị H.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị H trình bày. Hiện cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, còn cháu N chưa đủ 18 tuổi nên anh xin được nuôi cháu và không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị H và anh Q đều có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có đơn xin được xét xử vắng mặt và gửi bài bảo vệ đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử tại phiên tòa thực hiện đúng trình tự luật định. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Thu H và anh Ngô Văn Q; về con chung: giao cho anh Ngô Văn Q nuôi dưỡng cháu Ngô Thị Thanh N, sinh ngày 22/12/2002 cho đến khi cháu trưởng thành và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con;

về tài sản, nợ chung: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết; về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đỗ Thị Thu H là đang sinh sống và làm việc ở Đài Loan nên TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 BLTTDS.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B vào ngày 29/12/1994, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Từ năm 2004 cho đến nay, chị H đi lao động tại Đài Loan. Theo chị H trình bày những năm đầu kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó là phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Còn anh Q cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì nhưng nay chị H xin ly hôn, anh mong muốn đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý nên anh nhất trí ly hôn. Như vậy, thời gian chị H và anh Q sống xa nhau đã lâu, anh chị đều nhận thấy vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn đã trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc và không thể kéo dài. Nay anh chị cùng nhất trí ly hôn nên cần công nhận thuận ly hôn giữa chị H và anh Q.

- Về con chung: Chị H và anh Q có hai con chung là Ngô Văn T, sinh ngày 05/10/1995 và Ngô Thị Thanh N, sinh ngày 22/12/2002. Hiện cháu T đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu N chưa đủ 18 tuổi đang ở cùng với anh Q. Anh chị tự thỏa thuận là anh Q tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và nguyện vọng của cháu N cũng muốn ở cùng anh Q. Sự thỏa thuận này của các đương sự phù hợp hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Q tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận sự tự nguyện này của anh Q.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H, anh Q không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 55, 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Thu H và anh Ngô Văn Q (tên gọi khác là Ngô Xuân Q).

2. Về con chung:

- Giao cho anh Ngô Văn Q chăm sóc nuôi dưỡng con chung Ngô Thị Thanh N, sinh ngày 22/12/2002 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- Chấp nhận sự tự nguyện của anh Ngô Văn Q không yêu cầu chị Đỗ Thị Thu H cấp dưỡng nuôi con.

- Chị Đỗ Thị Thu H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003235 ngày 16/4/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, vắng mặt các đương sự. Anh Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án. Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Mạc Minh Quang